

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/12/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi				Về		Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P7+TD3	7:25	5+17	0+0		0+22	0+0	
2		TTCL+TD5+P9	7:25	3+16+2	0+0+0		2+13+7	0+0+0	
3		PVD8+RP2	7:25	5+12	0+0		5+14	0+0	ec225

TTDDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P7 - TD3	CREW: NAM - HUNG - THANH	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/4962	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LE VAN NGHI	P7	14-15	2	18			65	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM VAN THANH	P7	17	1	11			77	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM THAI SON	P7	18-19	2	16			80	KH-THAC	Vietnamese
4	LE THANH BINH	P7	12	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN HUY	P7	13	1	12	1	27	77	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG VAN THUONG	TD3	76	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG MINH TOAN	TD3	59	1	5			58	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG PHAM NGOC VU	TD3	78	1	5			104	KHOAN	Vietnamese
9	HUYNH AI HUU	TD3	56-57	2	10			78	KHOAN	Vietnamese
10	LE ANH THOAI	TD3	73-74	2	12			94	KHOAN	Vietnamese
11	LE QUOC TRUNG	TD3	99,600	2	12			78	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN LINH	TD3	72	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN THANG LOI(*)	TD3	77	1	4			59	KHOAN	Vietnamese
14	NGO VAN CHUNG	TD3	61	1	8			81	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DUC THANG	TD3	71	1	8			74	KHOAN	Vietnamese
16	DANG DINH PHUC	TD3	70	1	4			89	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN MINH TIEN	TD3	49	1	7			94	KHOAN	Vietnamese
18	DANG VAN KHOA	TD3	69	1	15			65	KHOAN	Vietnamese
19	DO HOAI NAM	TD3	98	1	12			65	KHOAN	Vietnamese
20	NGHIEM XUAN VIET	TD3	58	1	11			66	ANTOAN	Vietnamese
21	PHAM DUC CANH	TD3	60	1	5			62	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN QUANG MINH	TD3	75	1	16	1	20	85	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P7	5	365	7	65	1	27	0		
2	TD3	17	1.304	20	144	1	20	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.669</b>	<b>27</b>	<b>209</b>	<b>2</b>	<b>47</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.669</b>		<b>209</b>		<b>47</b>			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.  
  
NGUYEN THUC HA

VNHS REP.  
  
NGUYEN MAI PHI

CREW  
  
TRAN HONG NAM   
LE QUY HUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:TTC1 - TD5 - P9	CREW: VTHANG - CHIEN - DTUNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/4966	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐAO ĐÌNH CUÔNG	TTC1	37	1	10	2	21	82	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐÌNH THANH BÌNH	TTC1	35-36	2	14			74	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG XUAN HUY	TTC1	33-34	2	20			60	XAYLAP	Vietnamese
4	VU TRỌNG HẠCH	TD5	57	1	8	3	55	72	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY TÂM	TD5	51	1	4			62	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD5	50	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN XUAN THANH	TD5	47	1	8			69	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN PHỤNG QUÊ	TD5	49	1	4			71	KHOAN	Vietnamese
9	HÀ QUỐC DŨNG	TD5	43	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VINH DUY	TD5	53	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC CƯƠNG	TD5	56	1	8			67	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN TUẤN ANH	TD5						84	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ THẾ CỘNG	TD5	52	1	12			77	KHOAN	Vietnamese
14	QUÁCH VĂN TÔI	TD5	59-60	2	15			83	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN CHIÊN	TD5	48	1	3			77	KHOAN	Vietnamese
16	MUHAMMAD AFIQ BIN OTHMAN	TD5	54-55	2	20			100	BAKER HU	Malaysian
17	LÀ VĂN NAM	TD5	45-46	2	14			81	NHA THAU	Vietnamese
18	NGUYỄN VINH KHA	TD5	58	1	10			75	DVL	Vietnamese
19	ĐỖ THANH CHUÔNG	TD5	44	1	3			60	PSV	Vietnamese
20	LƯƠNG MINH HIỆP	P9	14	1	8	1	14	96	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐÌNH VĂN TÙNG	P9	16-17	2	20			61	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC1	3	216	5	44	2	21	2		
2	TD5	16	1.186	18	121	3	55	13		
3	P9	2	157	3	28	1	14	7		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.559</b>	<b>26</b>	<b>193</b>	<b>6</b>	<b>90</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.559</b>		<b>193</b>		<b>90</b>			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

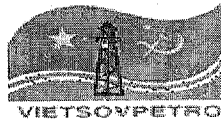
CREW

NGÔ VĂN THẮNG

ĐỖ VĂN CHIÊN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:40
B.CARD: VANG - 1	TO: PVD8 - RP2	CREW: ĐTRUNG - VUONG	ETA: 09:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/4959	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRAN QUOC TUAN	PVD8	62-63	2	9			70	PVDO	Vietnamese
2	TRUONG NHAT QUANG	PVD8	66-67	2	12	2	12	82	PVD LOGG	Vietnamese
3	LUC TRI HOANG	PVD8	64-65	2	17			68	PVD LOGG	Vietnamese
4	NGUYEN VAN ĐOAN	PVD8	58-59	2	18			59	SCHLUMBE	Vietnamese
5	NGUYEN THANH PHU	PVD8	60-61	2	19			91	SCHLUMBE	Vietnamese
6	PHUNG QUOC VIET	RP2	55	1	14			82	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN NGOC QUYET	RP2	56	1	12			64	XAYLAP	Vietnamese
8	LE QUOC HUONG	RP2	48	1	13			71	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG KHAC CUONG	RP2	52	1	13			70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGO HONG THANH	RP2	59	1	15			68	XAYLAP	Vietnamese
11	HO SY TRUNG	RP2	60	1	12			70	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN BA LUC	RP2	51	1	18			75	XAYLAP	Vietnamese
13	DO XUAN HIEP	RP2	49-50	2	20			75	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC GIAP *	RP2	57-58	2	23			60	XAYLAP	Vietnamese
15	HOA QUANG THANG	RP2	32-33	2	9			63	XAYLAP	Vietnamese
16	LE TRONG LY	RP2	61-62	2	16			60	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN DINH PHU	RP2	53-54	2	20			84	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	5	370	10	75	2	12	5		
2	RP2	12	842	17	185	0	0	14		
<b>TOTAL</b>		<b>17</b>	<b>1.212</b>	<b>27</b>	<b>260</b>	<b>2</b>	<b>12</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.212</b>		<b>260</b>		<b>12</b>			

GRAND TOAL: 1.484 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI KIEU THU

CREW

NGUYEN ĐỨC TRUNG

TRẦN HÙNG VƯƠNG

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/12/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		SAVR+BK8	7:25	18+0	0+0		15+5	0+0	
2		SAVR	9:25	18+0	0+0		17	0+0	
3		RP2+SAVR	11:25	8+10	0+0		1+8	0+0	
4		T.UNG	11:25	17	0		6	0	

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO:SAVR- BK8	CREW: VTHANG - NPHU - THANH	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/4994	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOANG QUOC VAN	SAVR	71-72	2	7	2	23	59	SGC	Vietnamese
2	KLISHIN SERGEI	SAVR	55	1	17			93	AMHGP	Russian
3	SHEIANKIN DMITRII	SAVR	79-80	2	17			85	AMHGP	Russian
4	AGASHKOV SERGEI	SAVR	60-61	2	20			89	AMHGP	Russian
5	KULIK VIACHESLAV	SAVR	66	1	12			74	AMHGP	Russian
6	GORYUNOV DENIS	SAVR	73-74	2	20			91	AMHGP	Russian
7	USMANOV ALFRED	SAVR	70	1	13			124	AMHGP	Russian
8	VOICHENKO IGOR	SAVR	78	1	18			96	AMHGP	Russian
9	PRADEDOVICH MIKHAIL	SAVR	64-65	2	7			99	AMHGP	Russian
10	TIMOFEEV ALEKSEI	SAVR	53	1	20			64	AMHGP	Russian
11	DERBASOV ANDREI	SAVR	56-57	2	19			74	AMHGP	Russian
12	PAKHOMOV RAVIL	SAVR	58-59	2	18			109	AMHGP	Russian
13	TAMAZOV MIKHAIL	SAVR	68-69	2	13			94	AMHGP	Russian
14	KOLODNIKOV ANTON	SAVR	54	1	6			129	AMHGP	Russian
15	TROIANOV DMITRII	SAVR	67	1	11			84	AMHGP	Russian
16	SIEEDIN ROMAN	SAVR	62-63	2	15			83	AMHGP	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	16	1.447	25	233	2	23	15		
2	BK8	0	0	0	0	2	36	6		
<b>TOTAL</b>		<b>16</b>	<b>1.447</b>	<b>25</b>	<b>233</b>	<b>4</b>	<b>59</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.447</b>		<b>233</b>		<b>59</b>			

GRAND TOAL: 1.739 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

ĐÀO NGỌC PHÚ



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: VANG-2	TO:SAVR	CREW: LINH - HTRUNG - TÚ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/4995	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BALDIN ARTEM	SAVR	22-24	3	15			87	AMHGP	Russian
2	KHISMATULLIN ILSUR	SAVR	31-32	2	21			83	AMHGP	Russian
3	OSIPOV ALEKSEI	SAVR	25-26	2	13			88	AMHGP	Russian
4	KOMISARENKO ALEKSANDR(*)	SAVR	83-84	2	20			109	AMHGP	Russian
5	POMOZOV ALEKSANDR(*)	SAVR	27-28	2	7			75	AMHGP	Russian
6	OSMAKOV ALEKSANDR	SAVR	75	1	13			123	AMHGP	Russian
7	ABAKUMOV VIACHESLAV	SAVR	86-87	2	13			85	AMHGP	Russian
8	ZHITNIKOV VIKTOR	SAVR	88-90	3	13			81	AMHGP	Russian
9	GORCHAKOV EVGENII	SAVR	97-98	2	6			88	AMHGP	Russian
10	BOGOMOLOV EVGENII	SAVR	91-92	2	19			88	AMHGP	Russian
11	AREFEV ANDREI	SAVR	85	1	11			100	AMHGP	Russian
12	DƯƠNG VŨ THĂNG	SAVR	13-14	2	12			68	AMHGP	Vietnamese
13	LƯU TIẾN TÔI	SAVR	21	1	7			59	AMHGP	Vietnamese
14	NGUYỄN BA TUẤN	SAVR	11-12	2	12			54	AMHGP	Vietnamese
15	ĐOÀN MINH QUỐC	SAVR	17-18	2	14			56	AMHGP	Vietnamese
16	LAM VĂN NGHĨA	SAVR	15-16	2	17			82	AMHGP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN DŨNG	SAVR	19-20	2	12			58	AMHGP	Vietnamese
18	MOROZOV ILIA	SAVR	95-96	2	10	2	16	110	AMHGP	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	18	1.494	35	235	2	16	17		
	TOTAL	18	1.494	35	235	2	16	17		
	WEIGHT KG		1.494		235		16			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

NGÔ VĂN LINH

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG

(\*) 2 khách có pin sạc dự phòng



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
B.CARD: CAM-3	TO:RP2 - SAVR	CREW: LINH - HTRUNG - TÚ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/4996	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐỖ VĂN BẢO	RP2	39	1	8	1	16	65	QUYẾT TH	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THỌ	RP2	42	1	7			53	QUYẾT TH	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH HÙNG	RP2	34	1	14			72	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG MỸ TRƯỜNG*	RP2	38	1	12			63	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ HỒNG DƯƠNG*	RP2	43-44	2	19			58	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN VĂN DŨNG	RP2	36	1	15	1	15	75	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HAI	RP2	40-41	2	12			63	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN BÌNH	RP2	35	1	19			60	XAYLAP	Vietnamese
9	OSIN DMITRII*	SAVR	97-99	3	17			84	AMHGP	Russian
10	AKULOV VLADIMIR	SAVR	85	1	9			85	AMHGP	Russian
11	KHUSAINOV RUSTAM	SAVR	91	1	7			87	AMHGP	Russian
12	ZINGIREEV ALEKSANDR*	SAVR	95-96	2	17			102	AMHGP	Russian
13	PANKOV SERGEY	SAVR	89	1	10			82	AMHGP	Russian
14	SUIAZOV EVGENII	SAVR	92	1	16			85	AMHGP	Russian
15	KOROTKOV ANDREI*	SAVR	88	1	4			120	AMHGP	Russian
16	VTEKHIN IVAN	SAVR	86-87	2	14			77	AMHGP	Russian
17	VINNIKOV SERGEI	SAVR	90	1	6			108	AMHGP	Russian
18	BASHKIN ALEKSANDR*	SAVR	93-94	2	16			90	AMHGP	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	8	509	10	106	2	31	1		
2	SAVR	10	920	15	116	0	0	8		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>1.429</b>	<b>25</b>	<b>222</b>	<b>2</b>	<b>31</b>	<b>9</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.429</b>		<b>222</b>		<b>31</b>			

GRAND TOAL: 1.682 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

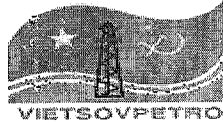
CREW

NGÔ VĂN LINH

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 11:30
B.CARD: XANH-3	TO: T.UNG	CREW: LTUẤN - XTRƯỜNG	ETA: 14:50
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/4993	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BUI VAN HUY	T.UNG	31	1	10			69	ANTOAN	Vietnamese
2	PHUNG QUANG ĐẠI	T.UNG	45	1	14			77	XAYLAP	Vietnamese
3	LE DINH HIU	T.UNG	32	1	14			69	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAM VAN TAN	T.UNG	37-38	2	13			66	XAYLAP	Vietnamese
5	VU VAN HUY	T.UNG	41	1	15			62	XAYLAP	Vietnamese
6	LE VAN THANH	T.UNG	33	1	11			73	XAYLAP	Vietnamese
7	DOAN QUANG TRUNG	T.UNG	35-36	2	20			68	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN MANH HUNG	T.UNG	43-44	2	23			81	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN HUU LONG	T.UNG	46-47	2	23			71	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAM VAN TU	T.UNG	39-40	2	21			68	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC QUANG	T.UNG	27-28	2	19			59	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN HAM CHUNG	T.UNG	25-26	2	22			71	XAYLAP	Vietnamese
13	VU QUANG DUONG	T.UNG	42	1	4			72	XAYLAP	Vietnamese
14	HA VAN TRUONG	T.UNG	34	1	10			57	XAYLAP	Vietnamese
15	LE VAN TAN	T.UNG	29	1	10			63	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN NGOC DUONG	T.UNG	30	1	12			64	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN VAN QUAN (1977)	T.UNG	24	1	3			73	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	T.UNG	17	1.163	24	244	0	0	6		
	<b>TOTAL</b>	<b>17</b>	<b>1.163</b>	<b>24</b>	<b>244</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>6</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>		<b>1.163</b>		<b>244</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.407 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI NGOC HA

CREW

LUONG MANH TUAN  
HA XUAN TRUONG